

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 18/2010/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu
về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 229/TTr-TNMT ngày 12/02/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Trường hợp Điều ước Quốc tế có quy định khác thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định, bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai; bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ về giá đất;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
 - c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;
 - d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
 - đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cấp phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;
 - e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.
3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:
- a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;
 - b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;
 - c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;
 - d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;
 - đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
 - e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;
 - g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.
4. Dữ liệu về môi trường gồm:
- a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;
 - b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;
 - c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
 - d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
 - đ) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;
 - e) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;
 - g) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường;

- h) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;
- i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

- a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô zôn;
- b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
- c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;
- d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

- a) Hệ quy chiếu quốc gia;
- b) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
- c) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;
- d) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;
- đ) Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- e) Hệ thống thông tin địa lý;
- g) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác.

7. Kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

8. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

9. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

10. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý, chuyển sang dạng số và lưu trữ theo quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để thuận tiện cho việc quản lý, truy nhập, tìm kiếm thông tin và bảo đảm an toàn dữ liệu. Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phải có kế hoạch thực hiện số hóa những dữ liệu chưa ở

dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng. Kinh phí thực hiện số hóa dữ liệu trong kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm được phân bổ trong kế hoạch ngân sách theo quy định.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh) là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Điều 5. Quy định về cung cấp dữ liệu

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có dữ liệu về tài nguyên và môi trường cung cấp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu:

a) Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử, gửi dữ liệu bằng văn bản, vật mẫu (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện);

b) Dữ liệu số, trên đĩa CD, DVD, băng từ... phải ghi rõ tên nội dung dữ liệu cơ quan cung cấp.

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Việc cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo quy định, yêu cầu;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12);

c) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp dữ liệu cho Trung

tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

4. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Trách nhiệm thu thập, quản lý dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, số hóa, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

d) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang phối hợp với các đơn vị có liên quan để thu thập, tiếp nhận, xử lý, xây dựng, quản lý, cập nhật, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh; phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang theo quy định.

Điều 7. Lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trình phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thu thập, tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá, xử lý, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn.

Điều 9. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm. Mức tối thiểu hàng năm bằng 0,5% kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường có được do sử dụng ngân sách chỉ cho sự nghiệp tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn chậm nhất một (01) tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang một (01) bộ dữ liệu theo quy định.

2. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang theo quy định là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Chính sách khuyến khích của Nhà nước

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Tùy trường hợp cụ thể, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh, phòng Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương III

CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức cung cấp dữ liệu về

tài nguyên và môi trường trên internet trước khi cung cấp dịch vụ, phù hợp với khả năng điều kiện công nghệ thông tin trực tuyến, theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và truyền thông Quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Tối mật.
2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Mật.
3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định ở khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 14. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu

1. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Sở tài nguyên và Môi trường với các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 28 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Trong quá trình lập kế hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường đến các Sở, ngành có dữ liệu cần thu thập và UBND cấp huyện đề nghị đóng góp ý kiến để bảo đảm tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; trong dự thảo kế hoạch cần nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện;

b) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang để bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

c) UBND cấp huyện, các Sở, ngành quản lý dữ liệu và Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để

bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân.

Chương IV

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN, BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu huỷ tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 16. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Việc bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn Cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;

c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang có trách nhiệm kiểm tra và sao lưu dữ liệu:

a) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

b) Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

Chương V
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM,
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, các nhân có thành tích thực hiện tốt Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Điều 18. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 01
PHIẾU YÊU CẦU

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:.....

.....

Số CMTND, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân trong nước):

Quốc tịch/nơi đang làm việc, học tập: (đối với cá nhân là người nước ngoài):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp:

.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

.....

7. Cam kết sử dụng dữ liệu:

.....

.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP

**

(Ký xác nhận, đóng dấu)

*

Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên;

** Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có xác nhận của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nơi đang làm việc, học tập.

..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: /HD

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 02
HỢP ĐỒNG

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày..... tháng năm , tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):

Cơ sở dữ liệu thuộc

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax: Email: Số tài khoản :

2. Bên khai thác, sử dụng dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax: Email:

Số tài khoản :

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng dữ liệu như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)

.....
.....

Điều 2. Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày tháng..... năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:

- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:

- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu:

- Nhận gửi qua đường bưu điện:

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu là:đồng

(Bằng chữ: đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng dữ liệu là:đồng

Tiền dịch vụ cung cấp dữ liệu là:đồng

Số tiền đặt trước:đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

(Phải có đủ nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường).

.....

.....

Điều 6: Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....

.....

Điều 7: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày

BÊN B

*(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức;
Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)